

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2024

Về tranh chấp: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Lê Thanh Vân;

Ông Phạm Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T** – sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Q, xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà T có mặt

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn Đ** – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Diên Khánh. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, công việc làm ăn luôn gặp thất bại, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Đ không nghe. Từ tháng 8/2023 đến nay, bà và ông Đ không còn chung sống với nhau. Đến nay bà và ông Đ không còn tình cảm nên bà T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Thanh Trà G - sinh năm 2003 và Nguyễn Cao S – sinh ngày 15/4/2012. Cháu G đã trưởng thành nên bà không

có yêu cầu gì. Còn cháu S hiện đang sinh sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai ngày 05/02/2024, bị đơn Nguyễn Tấn Đ trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn năm 2003 tại UBND xã D, huyện Diên Khánh trên tinh thần tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, sự việc bất đồng xảy ra trong 05 năm gần đây. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn Thanh Trà G - sinh năm 2003 và Nguyễn Cao S – sinh ngày 15/4/2012. Hiện 02 con chung đang ở với bà T. Khi ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 08/02/2024, ông Nguyễn Tấn Đ có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất, xét xử vụ án.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Ngày 08/02/2024, ông Nguyễn Tấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất, xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Theo giấy chứng nhận kết hôn và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Tấn Đ là vợ chồng. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ là một yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện thì thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Tấn Đ tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, do ông Đ làm ăn thất bại, không quan tâm đến vợ con, làm cho cuộc sống gia đình căng thẳng, bà T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Đ không thay đổi. Từ tháng 8/2023 đến nay bà và ông Đ không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ, ông cũng đồng ý. Bản thân ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất, xét xử vụ án. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Tấn Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh Trà G - sinh năm 2003 và Nguyễn Cao S – sinh ngày 15/4/2012. Cháu G đã trưởng thành. Cháu S hiện nay do bà T chăm sóc, giáo dục nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp nên cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Đ xác định không có nên không xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Tấn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Cao S - sinh ngày 15/4/2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ.

Ông Đạt có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, bà T, ông Đ có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 00011xx ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Tấn Đ thời hạn nói trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- UBND xã D (nơi đăng ký kết hôn);
- THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Đức Thuận